

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

-----

**PHẠM NGỌC TOÀN**

**XÂY DỰNG NỘI DUNG VÀ TỔ CHỨC  
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHO CÁC DOANH  
NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kế toán**

**Mã số: 62.34.30.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**TP. Hồ Chí Minh – Năm 2010**

Công trình này được hoàn thành tại: Trường Đại học Kinh tế  
TP. Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học:  
PGS.TS. Phạm Văn Dược

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp nhà  
nước họp tại: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, vào  
hồi giờ, ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện Quốc gia hoặc thư viện  
Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của đề tài

DNNVV ở Việt Nam hiện nay đang phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng kinh doanh; đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Khuyến khích phát triển DNNVV là chủ trương đường lối của Đảng và nhà nước; Từ đó tất yếu phải tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý cùng các hệ công cụ quản lý tương ứng trong đó có kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng. Tuy nhiên, ở nước ta, hệ thống kế toán quản trị mới đang được tiếp thu, vận dụng trong phạm vi hẹp và ở trình độ thấp cả lý thuyết và thực hành nhất là ở các DNNVV.

Trong thời gian qua đã có một số đề tài nghiên cứu ở nhiều cấp độ liên quan đến KTQT cả về lý luận lẫn ứng dụng nhưng hầu như chưa có đề tài nào tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống và đi sâu vào việc tổ chức thực hiện KTQT ở DNNVV. Chính điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc truyền tải kiến thức trong giảng dạy cũng như ứng dụng KTQT cho các DNNVV ở Việt Nam hiện nay.

Vì vậy, việc chọn đề tài: “Xây dựng nội dung và tổ chức kế toán quản trị cho các DNNVV ở Việt Nam” làm đề tài nghiên cứu vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn, đồng thời là vấn đề mang tính thời sự cấp thiết nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý và các DNNVV vận dụng vào thực tiễn cho phù hợp với bối cảnh kinh tế đất nước và hệ thống kế toán Việt Nam hiện hành.

### 2. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Mục đích của luận án tập trung vào các nội dung chủ yếu:

(a) Tiếp cận những lý luận về nội dung và tổ chức kế toán quản trị trong DN; đặc biệt là tiếp cận những đặc trưng về công tác kế toán nói chung và KTQT nói riêng trong DNNVV;

(b) Tìm hiểu thực trạng nội dung và tổ chức KTQT trong các DNNVV ở VN hiện nay;

(c) Phân tích, đánh giá thực trạng nội dung và tổ chức KTQT trong các DNNVV ở VN để xác định quan điểm, mục tiêu và đề xuất các nội dung, điều kiện và giải pháp xây dựng nội dung và tổ chức KTQT cho DNNVV ở Việt Nam hiện nay.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, các phương pháp thống kê, phân tích, so sánh và tổng hợp; vận dụng các luận điểm của các cá nhân, tổ chức nghề nghiệp liên quan; tiếp cận các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước để thực hiện các đánh giá, sàng lọc và đi đến nhận định về đối tượng nghiên cứu và tiến hành nghiên cứu.

### **4. Những kết quả đạt được của luận án**

#### **(1) Về mặt lý luận:**

- Hệ thống những lý luận liên quan đến KTQT, như khái niệm, vai trò, chức năng KTQT, các nội dung KTQT và tổ chức KTQT trong DN;
- Trình bày một cách có hệ thống quá trình hình thành và phát triển KTQT; tổng hợp kinh nghiệm vận dụng nội dung và cách thức của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các DN nói chung và các DNNVV ở Việt Nam nói riêng.

#### **(2) Về mặt thực tiễn:**

- Phân tích và đánh giá hiện trạng nội dung và tổ chức kế toán quản trị đang áp dụng trong DNNVV ở Việt Nam.

- Luận án xây dựng nội dung kế toán quản trị áp dụng cho các DNNVV trên cơ sở phân tích hiện trạng. Đồng thời đưa ra cách thức tổ chức KTQT phù hợp với DNNVV ở Việt Nam.

- Luận án cũng đưa ra các kiến nghị, giải pháp đối với các DNNVV nơi tổ chức thực hiện KTQT, kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước hỗ

trợ cho các DNNVV và kiến nghị với các cơ sở đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực hỗ trợ cho các DNNVV trong công tác đào tạo nhân lực phù hợp.

### **5. Bộ cục của luận án**

Luận án gồm có 135 trang, 17 bảng, 12 sơ đồ và 18 phụ lục, được trình bày thành ba chương, không kể phần phụ lục, gồm:

**Chương 1:** Tổng quan về kế toán quản trị và tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp (các trang từ 5 đến 49).

**Chương 2:** Thực trạng kế toán quản trị ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam (các trang từ 50 đến 71).

**Chương 3:** Xây dựng nội dung và tổ chức kế toán quản trị cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam (các trang từ 72 đến 130).

## **CHƯƠNG 1**

### **TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Bản chất và vai trò của KTQT**

##### **1.1.1 Bản chất của KTQT**

Quá trình tiến hóa và thay đổi của kế toán quản trị được chia thành 04 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1: Xác định chi phí và kiểm soát (trước những năm 1950)*
- *Giai đoạn 2: Thông tin cho lập kế hoạch và kiểm soát (đến năm 1965)*
- *Giai đoạn 3: Giảm sự lãng phí nguồn lực trong quá trình kinh doanh (đến năm 1985).*
- *Giai đoạn 4: Tạo ra giá trị thông qua sử dụng nguồn lực hiệu quả (đến năm 1995)*

Ở Việt Nam hiện nay phạm vi áp dụng KTQT còn hẹp và ở trình độ thấp. Nhìn chung, kế toán quản trị mới thực sự hiện hữu ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; đặc biệt là những doanh nghiệp có qui

mô lớn. Ở các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, sự hiện hữu của kế toán quản trị còn hạn chế. Đại bộ phận DN đặc biệt là DNNVV mới chỉ thực hiện được một phần KTQT ở giai đoạn 1, còn lại một số doanh nghiệp khác đang phát triển KTQT ở giai đoạn 2 đến giai đoạn 3.

### **1.1.2. Vai trò của KTQT trong quản lý điều hành doanh nghiệp**

Với chức năng lập kế hoạch, nhà quản trị cần phải có thông tin về các loại dự toán, kế hoạch như chiến lược sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, dự toán hoạt động hàng năm... đây chính là tài liệu xác lập các bước thực hiện mục tiêu của tổ chức.

Kế toán quản trị là công cụ để đánh giá việc thực hiện những mục tiêu thông qua việc phân tích các chi phí, là công cụ kiểm tra quá trình thực hiện hoạt động SXKD theo kế hoạch đã đề ra, từ đó có những quyết định hợp lý để hoạt động ngày càng đạt hiệu quả cao hơn. Do đó, kế toán quản trị là công cụ chủ yếu để điều hành quản lý.

### **1.2. Nội dung của kế toán quản trị**

- *Hệ thống kế toán chi phí và quản trị chi phí trong DN*

(1) Phân loại chi phí. (2) Các phương pháp tập hợp chi phí. (3) Các mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- *Dự toán ngân sách của doanh nghiệp*

(1) Phân loại dự toán; (2) các mô hình dự toán; (3) quy trình lập dự toán

- *Kế toán trung tâm trách nhiệm và đánh giá trách nhiệm quản lý*

- *Thiết lập thông tin phục vụ cho việc ra quyết định và dự báo*

+ Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn

+ Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định đầu tư dài hạn

### **1.3. Tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp**

#### **1.3.1 Tổ chức thu thập thông tin ban đầu**

Tổ chức thu thập thông tin ban đầu phục vụ cho kế toán quản trị không chỉ sử dụng hệ thống chứng từ bắt buộc mà cần cụ thể hoá hệ thống chứng từ

hướng dẫn, chọn lọc, bổ sung, sửa đổi các chỉ tiêu trên chứng từ cho phù hợp với nội dung kế toán quản trị và đặc biệt cần lưu ý đến các chứng từ phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí.

### **1.3.2 Tổ chức phân loại và xử lý thông tin**

- Tổ chức tài khoản: để thu thập thông tin phục vụ các tình huống ra quyết định cần được tiến hành một cách có hệ thống và khoa học, vừa đảm bảo cung cấp thông tin chi tiết theo yêu cầu quản trị, vừa đảm bảo khả năng đối chiếu giữa thông tin chi tiết với thông tin tổng hợp.

- Tổ chức sổ kế toán: để thu thập chẳng những thông tin quá khứ mà cả thông tin tương lai.

### **1.3.3 Tổ chức thiết lập và cung cấp thông tin qua hệ thống báo cáo KTQT**

Báo cáo kế toán quản trị phản ánh các chỉ tiêu kinh tế, tài chính theo từng mặt cụ thể theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp trong việc lập kế hoạch, kiểm tra, điều hành và ra quyết định. Đồng thời hệ thống báo cáo kế toán quản trị cũng có ý nghĩa trong việc củng cố và nâng cao chất lượng công tác hạch toán ở các bộ phận của doanh nghiệp.

### **1.3.4 Tổ chức bộ máy kế toán**

Để thực hiện được việc cung cấp thông tin về kế toán quản trị đòi hỏi phải bố trí người làm kế toán quản trị. Tùy theo quy mô, phạm vi hoạt động, tính chất, yêu cầu quản lý mà doanh nghiệp tổ chức bộ máy kế toán thực hiện công tác KTQT của doanh nghiệp cho phù hợp. Có ba kiểu tổ chức mô hình kế toán quản trị, bao gồm mô hình kết hợp, mô hình tách biệt và mô hình hỗn hợp.

### **1.3.5 Tổ chức ứng dụng tin học vào kế toán quản trị**

Công nghệ thông tin có ảnh hưởng rất lớn đối với công tác kế toán trong doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán sẽ giảm khối lượng ghi chép, tính toán, tổng hợp nhưng vẫn đảm bảo việc tìm kiếm dữ liệu, cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác. Việc áp dụng công

nghe thông tin làm cho bộ máy kế toán tinh giản hơn. Việc bảo mật, lưu trữ dữ liệu cũng dễ dàng hơn...

## **1.4 Kinh nghiệm tổ chức KTQT ở một số quốc gia và các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

### **1.4.1 Khái niệm DNNVV trên thế giới**

Tiêu thức phân loại thường sử dụng nhất là : vốn và lao động. Một số nước chỉ dùng một tiêu thức, nhưng có nước dùng một vài tiêu thức để xác định DNNVV. Có nước dùng tiêu thức chung cho tất cả các ngành nghề, nhưng cũng có một số nước lại dùng tiêu thức riêng cho từng ngành nghề để xác định DNNVV.

### **1.4.2 Kinh nghiệm tổ chức kế toán quản trị ở một số quốc gia**

Trên cơ sở nghiên cứu tài liệu về KTQT của một số nước có thị trường kinh tế phát triển như Mỹ, Pháp, Nhật để học tập, vận dụng kỹ thuật tiên tiến trong KTQT phục vụ cho việc quản lý DN và nghiên cứu KTQT một số nước trong khu vực như Malaixia, Thái Lan ... để rút ra bài học kinh nghiệm về vận dụng nội dung và tổ chức công tác KTQT cho các DN Việt Nam đặc biệt là các DNNVV một cách hiệu quả.

### **1.4.3 Các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Một là, các doanh nghiệp bất kể loại hình nào, quy mô nhỏ hay lớn thì kế toán cũng đều được coi là một công cụ quan trọng để quản lý kinh tế tài chính. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thì bao gồm cả việc tổ chức KTTC và tổ chức KTQT.

Hai là, các nước khác nhau có lịch sử hình thành KTQT khác nhau nên phải xác định nội dung và tổ chức KTQT phù hợp trong từng giai đoạn phát triển của KTQT nhằm làm cho việc vận dụng KTQT trong các DN là hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của DN.

Ba là, khi xem xét kinh nghiệm phát triển của các nước trong khu vực thì việc ứng dụng KTQT đang vẫn sử dụng các kỹ thuật truyền thống, chỉ một số ít các công ty lớn có sự đầu tư và chuyển giao kỹ thuật quản lý



từ nước ngoài mới áp dụng các kỹ thuật KTQT tiên tiến. Điều này có thể giúp các DN Việt Nam mà nhất là các DNNVV xây dựng nội dung và tổ chức KTQT phù hợp với đặc điểm của mình.

Bốn là, kinh nghiệm tổ chức KTQT ở các nước thì việc tích hợp giữa KTQT và KTTC giúp cho việc cung cấp thông tin hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau, nhằm làm cho các DN tiết kiệm được chi phí và tránh được sự trùng lặp. Vì vậy, các DNNVV của Việt Nam có quy mô nhỏ, kinh phí không nhiều thì nên vận dụng việc tích hợp này là hiệu quả.

Năm là, kinh nghiệm của các nước trên thế giới đều ứng dụng công nghệ thông tin để xử lý các dữ liệu kế toán. Do đó, các DNNVV ở Việt Nam nên ứng dụng từ thấp đến cao, từ các phần mềm ứng dụng sẵn có như excel cho đến các phần mềm chuyên dùng cho phù hợp với DN.

Sáu là, để phát triển KTQT tại các DN, đối với các DNNVV với tiềm lực còn nhiều hạn chế thì sự hỗ trợ của các tổ chức nghề nghiệp càng có ý nghĩa thiết thực giúp cho các DNNVV tiếp cận và ứng dụng được KTQT trong quá trình điều hành quản lý DN.

## **KẾT LUẬN CỦA CHƯƠNG 1**

Việc xác định nội dung và tổ chức công tác kế toán quản trị phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và loại hình cũng như quy mô của từng doanh nghiệp là hết sức cần thiết và có ý nghĩa to lớn giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển.

Chương 1 giới thiệu tổng quan lý luận về kế toán quản trị, nội dung kế toán quản trị và tổ chức kế toán quản trị làm cơ sở lý luận nghiên cứu cho các chương sau.

Mặt khác, chương 1 cũng trình bày kinh nghiệm tổ chức kế toán quản trị ở một số quốc gia. Qua đó, đúc kết những bài học kinh nghiệm nhằm giúp cho việc vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp Việt Nam, góp phần xác lập nội dung cũng như cách thức tổ chức kế toán quản trị trong DNNVV ở Việt Nam một cách thiết thực và hiệu quả.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ Ở CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

#### 2.1. Hoạt động kinh doanh và công tác quản lý ở các DNNVV ở VN

##### 2.1.1 Tình hình chung về DNNVV ở Việt Nam

Trong thời gian qua số lượng DNNVV ở Việt Nam không ngừng phát triển về số lượng theo từng năm. Tính cho đến nay có hơn 400.000 DNNVV đang hoạt động trong nền kinh tế tham gia vào mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh với nhiều loại ngành nghề khác nhau.

Tỷ trọng loại hình doanh nghiệp dần dần có sự thay đổi. Doanh nghiệp tư nhân ngày càng ít được lựa chọn là loại hình để nhà đầu tư thành lập, trong khi đó, loại hình công ty TNHH, công ty cổ phần ngày càng được lựa chọn nhiều hơn như là một hình thức để nhà đầu tư gia nhập thị trường.

##### 2.1.2. Hoạt động kinh doanh ở các DNNVV ở Việt Nam

- Đóng góp quan trọng vào GDP và tốc độ tăng trưởng kinh tế
- Làm tăng hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế
- Tạo ra nhiều việc làm mới, giảm bớt áp lực về việc làm và thất nghiệp
- Có vai trò to lớn trong việc phát huy tiềm năng huy động mọi nguồn lực xã hội vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước
- Là nhân tố quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu từ nông nghiệp và sản xuất nhỏ lên nền sản xuất công nghiệp hóa.

##### 2.1.3 Tình hình và yêu cầu quản lý điều hành của các DNNVV ở VN

Ngày nay DNNVV ở Việt Nam đang đứng trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Xuất phát từ điều kiện thực tế của các DNNVV Việt Nam còn non kém trong nhiều lĩnh vực. Do đó, môi trường thể chế của Việt Nam phải phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Từ đó, đặt ra yêu cầu quản lý điều hành các DNNVV ở Việt Nam hiện nay:

- Tăng cường hợp tác liên kết trong cộng đồng doanh nghiệp.
- Nâng cao nhận thức về pháp luật quốc tế, nâng cao năng lực và trình độ công nghệ sản xuất.
- Phát huy vai trò của nhà nước và các tổ chức hỗ trợ DNNVV.

## **2.2 Tình hình công tác kế toán và KTQT ở các DNNVV ở Việt Nam**

### **2.2.1. Khảo sát các DNNVV ở Việt Nam**

#### **Mục tiêu khảo sát**

- Mô tả thực trạng kinh doanh và quản lý ở các DNNVV ở Việt Nam.
- Tìm hiểu tình hình công tác kế toán, kế toán quản trị và thực trạng tổ chức công tác kế toán quản trị ở các DNNVV ở Việt Nam.
- Tìm ra những nguyên nhân yếu kém về kế toán quản trị ở các DNNVV.
- Ngoài ra mục tiêu khảo sát còn đi sâu vào một khía cạnh quan trọng là với các quy mô khác nhau thì việc thực hiện KTQT đã đạt được mức độ nào và nhu cầu thực sự đối với thông tin do KTQT cung cấp để đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành DN bao gồm những nội dung gì, mức độ và dung lượng thông tin như thế nào. Xuất phát từ mục tiêu này nên việc khảo sát còn chú trọng vào việc phân loại DN được khảo sát theo các cấp quy mô: DN siêu nhỏ, DN nhỏ, DN vừa. Để qua đó có những kết luận đúng đắn, phù hợp với thực trạng cũng như yêu cầu thực hiện KTQT ở các DNNVV ở VN hiện nay.

#### **Nội dung khảo sát**

- Những vấn đề chung về DNNVV ở Việt Nam.
- Tình hình kinh doanh của DNNVV ở Việt Nam hiện nay.
- Tình hình công tác kế toán và KTQT ở các DNNVV ở Việt Nam.

#### **Đối tượng khảo sát và phạm vi khảo sát**

- Đối tượng khảo sát: Đối tượng được tiến hành khảo sát là các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu ở khu vực TP. HCM và các tỉnh như: Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Long An...

- Dung lượng mẫu khảo sát: 250 doanh nghiệp. Trong quá trình khảo sát thực địa, đối tượng khảo sát phù hợp (đáp ứng thông tin trả lời trong bảng câu hỏi) còn lại là 236 doanh nghiệp. Với dung lượng mẫu như vậy là đủ độ tin cậy trong thống kê với độ tin cậy của dữ liệu là 95% (tức là độ sai số 0,05).

### **Phương pháp thiết kế bảng câu hỏi khảo sát**

Đề tài sử dụng phương pháp xã hội học điều tra bằng bảng hỏi. Cấu trúc bảng hỏi bao gồm 30 câu hỏi, được thiết kế làm 5 mục. Nội dung mỗi mục giúp cho người được phỏng vấn thuận tiện trả lời và nhận diện nhanh vấn đề theo một chuỗi logic nội dung.

Các câu hỏi trong Bảng khảo sát được thiết kế với các dạng câu hỏi: câu hỏi đóng, câu hỏi mở, câu hỏi vừa đóng vừa mở.

### **Phương pháp phỏng vấn**

Theo phương pháp nghiên cứu khoa học, thu thập thông tin bằng bảng hỏi có thể thực hiện bốn hình thức phỏng vấn như sau: (1) phỏng vấn trực tiếp; (2) phỏng vấn qua điện thoại; (3) phỏng vấn bằng cách gửi thư; và (4) phỏng vấn thông qua mạng Internet (bao gồm thư điện tử e-mail).

### **Phương pháp xử lý dữ liệu**

Các bảng câu hỏi sau khi tập hợp, tiến hành làm sạch bảng hỏi và nhập liệu.

Dữ liệu trong bảng câu hỏi khảo sát được xử lý bằng chương trình xử lý dữ liệu thống kê SPSS for Windows phiên bản 13.0.

Tiêu chí để xử lý dữ liệu là việc dùng thống kê mô tả để lập bảng tần số (số quan sát), tần suất (tỉ lệ phần trăm); lập bảng phân tử cho các tiêu chí đo lường và lập bảng tổng hợp khi phân tích so sánh; tính trung bình cho các dữ liệu với các loại thang đo định lượng. Tất cả các dữ liệu xử lý đều được sử dụng độ tin cậy 95%.

### **2.2.2. Kết quả khảo sát**

- Về loại hình và lĩnh vực hoạt động

Nhìn chung các DNNVV thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân, và công ty trách nhiệm hữu hạn (chiếm 76,3%). Các DNNVV chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ (chiếm 47,8 %). Có rất ít các DNNVV thuộc loại hình doanh nghiệp nhà nước.

- Về tình hình hoạt động kinh doanh

Các DNNVV có xu hướng phát triển từ quy mô siêu nhỏ lên các công ty nhỏ hoặc vừa.

Các DNNVV hiện hoạt động khá hiệu quả, tuy nhiên có một thực trạng là các DNNVV thường thay đổi tư cách pháp nhân sau một thời gian để hưởng các ưu đãi và giảm các khoản thuế tăng theo doanh thu, lợi nhuận hàng năm.

- Tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV hiện nay

Sự ảnh hưởng rõ rệt của chính sách, quy định pháp luật về kế toán đến tổ chức công tác kế toán của các DNNVV, điều này thể hiện toàn bộ các DNNVV đều tuân thủ các chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. Bên cạnh đó trình độ nhân viên kế toán không cao cộng với phương thức lao động kế toán còn ở mức bán thủ công thì các DNNVV sẽ gặp nhiều trở ngại trong triển khai các phương pháp kế toán quản trị. Hầu hết các doanh nghiệp thuộc phạm vi khảo sát đều áp dụng phần mềm kế toán và như vậy nếu các phần mềm kế toán có tích hợp sẵn các công cụ, phương pháp và tổ chức tốt công tác thu thập dữ liệu đầu vào sẽ giúp việc triển khai và ứng dụng kế toán quản trị trong các DNNVV được thuận lợi hơn.

- Hoạt động KTQT trong các DNNVV hiện nay

+ *Tầm quan trọng và yêu cầu về kế toán quản trị trong các DNNVV*

Nhìn chung đa số các đối tượng được khảo sát đều cho rằng kế toán quản trị có vai trò quan trọng đối với quản trị trong DNNVV, tỷ lệ : 71.3%. Tuy nhiên, đối với các công ty có quy mô vốn nhỏ, hoạt động kinh doanh đơn giản (loại DN siêu nhỏ) thì chưa nhận thức được vai trò của kế toán quản trị, chiếm tỷ lệ: 13.6%.

+ Về mức độ yêu cầu của doanh nghiệp về thông tin kế toán quản trị:

Nhà quản lý trong các DNNVV thường không chú ý đến định hướng chiến lược mà tập trung vào công việc điều hành kinh doanh hàng ngày do đó họ chủ yếu quan tâm đến các thông tin chi tiết cụ thể trong từng tình huống. Bên cạnh đó tính kịp thời của thông tin cũng được quan tâm hàng đầu vì các quyết định điều hành thành công phụ thuộc rất nhiều vào tính kịp thời của thông tin.

+ Về nội dung kế toán quản trị đang áp dụng trong các DNNVV, kết quả khảo sát cho thấy 03 nhóm kết quả khác biệt.

**Các doanh nghiệp siêu nhỏ:** chỉ tập trung vào quản trị chi phí

**Các doanh nghiệp nhỏ:** tập trung vào quản trị chi phí, lập kế hoạch, thông tin phục vụ các quyết định ngắn hạn

**Các doanh nghiệp vừa:** tập trung vào quản trị chi phí, lập kế hoạch, thông tin phục vụ các quyết định ngắn hạn, dài hạn.

- Một số tồn tại và hạn chế về tổ chức thực hiện KTQT ở các DNNVV được khảo sát:

Một là, KTQT trong DNNVV ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa được quan tâm đúng mức từ góc độ nhà quản trị, người làm kế toán.

Hai là, ở những công ty đã áp dụng KTQT, thì việc thực hiện này chưa có tính hệ thống, nội dung lạc hậu, nhiều nội dung trùng lặp với KTTC, các phương pháp kỹ thuật vận dụng rất đơn giản, chưa chú ý đến khai thác các phương tiện, kỹ thuật xử lý thông tin hiện đại.

Ba là, các DNNVV còn gặp nhiều khó khăn về tiếp cận kinh nghiệm thực tiễn dẫn đến gặp nhiều phức tạp, tốn kém nhiều chi phí, thời gian trong xây dựng, áp dụng KTQT do đó đa phần là không áp dụng được một cách có hệ thống

Bốn là, các DNNVV thiếu về điều kiện vật chất, thiếu nguồn nhân lực được đào tạo KTQT để hỗ trợ cho thực hiện KTQT .

Năm là, báo cáo KTQT chưa đầy đủ, nội dung còn khá đơn giản, mang tính rời rạc chưa có sự thống nhất, chưa có sử dụng nhiều các báo cáo phân tích nên chưa cung cấp được các thông tin theo nhu cầu quản lý. Chủ yếu các DNNVV chỉ lập các báo cáo tài chính phục vụ cho yêu cầu quản lý của nhà nước.

Sáu là, việc sử dụng công nghệ thông tin vào trong công tác kế toán đã được thực hiện. Tuy nhiên việc sử dụng này chủ yếu cho KTTC, chưa được thiết kế tích hợp với KTQT.

## **2.3. Nguyên nhân yếu kém về KTQT ở các DNNVV ở Việt Nam**

### **2.3.1 Nguyên nhân từ phía nhà nước**

Thứ nhất, còn bị ảnh hưởng nặng nề bởi tư duy quản lý tập trung, bao cấp đã từng tồn tại một thời gian khá dài ở Việt Nam trong quản lý nhà nước, trong tổ chức và điều hành công tác kế toán.

Thứ hai, sự can thiệp của Nhà nước quá sâu vào hoạt động quản lý của công ty.

Thứ ba, hệ thống kế toán còn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đáp ứng kịp thời trong quản lý đối với hoạt động SXKD vốn phát triển và đổi mới khá nhanh của các DNNVV.

Thứ tư, Các điều kiện bên ngoài hỗ trợ để áp dụng KTQT tại các công ty còn hạn chế như các tổ chức đào tạo chưa đủ năng lực, chưa xem trọng và trang bị đầy đủ cho người học những kỹ năng cần thiết về KTQT. Các tổ chức tư vấn quản lý còn thiếu và yếu, chưa thuyết phục cũng như hỗ trợ được các công ty trong việc áp dụng phương pháp quản lý mới; các nhà sản xuất phần mềm kế toán ở Việt Nam còn chưa tạo ra được những phần mềm mở phục vụ lập báo cáo theo yêu cầu quản trị.

### **2.3.2 Nguyên nhân từ phía DNNVV**

Thứ nhất, trình độ quản lý của nhà quản trị trong các DNNVV còn hạn chế, chậm tiếp cận các phương pháp quản lý hiện đại.

Thứ hai, Chưa xác định rõ nội dung KTQT cho nhu cầu quản lý tại DN, các kỹ thuật KTQT áp dụng còn sơ khai, báo cáo KTQT chưa được lập một cách có hệ thống không đáp ứng được nhu cầu quản lý.

Thứ ba, việc tổ chức KTQT tại các DNNVV chưa được chú trọng.

Thứ tư, trình độ người làm kế toán hạn chế, đặc biệt khả năng phân tích cũng như khái quát một vấn đề của KTQT còn rất yếu.

Thứ năm, về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại các DNNVV còn gặp nhiều trở ngại.

## **KẾT LUẬN CỦA CHƯƠNG 2**

Trong chương này chúng tôi thông qua các số liệu thống kê, phân tích và trình bày tình hình hoạt động của các DNNVV ở Việt Nam. Thông qua đó nêu lên các yêu cầu quản lý điều hành hoạt động của các DNNVV hiện nay.

Luận án cũng trình bày các kết quả khảo sát về tình hình kinh doanh và thực trạng công tác kế toán và kế toán quản trị tại các DNNVV dựa trên mẫu 236 DN được khảo sát. Các kết quả khảo sát cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của DNNVV hiện nay tương đối tốt. Tuy nhiên tình hình thực hiện công tác kế toán nói chung và công tác KTQT nói riêng còn nhiều hạn chế.

Thông qua các kết quả khảo sát luận án phân tích các nguyên nhân gây nên sự yếu kém về KTQT ở các DNNVV. Đồng thời chỉ rõ những nguyên nhân đó từ phía nhà nước, từ phía DN và từ phía các tổ chức đào tạo.

## **CHƯƠNG 3**

### **XÂY DỰNG NỘI DUNG VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM**

#### **3.1. Quan điểm xây dựng nội dung**



(1) Phù hợp với môi trường về pháp lý và kinh doanh ở Việt Nam.

(2) Thích hợp với đặc điểm về quy mô và trình độ quản lý của các DNNVV.

(3) Đáp ứng khả năng phát triển và yêu cầu hội nhập.

(4) Có tính kế thừa và chọn lọc nội dung và kinh nghiệm KTQT ở các nước phát triển.

### **3.2. Nguyên tắc tổ chức kế toán quản trị**

(1) Nguyên tắc kết hợp KTTC và KTQT trên cùng một hệ thống

(2) Nguyên tắc linh hoạt trong xử lý thông tin và thiết lập báo cáo từ cấp độ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.

(3) Nguyên tắc thích ứng với yêu cầu tin học hóa của kế toán.

### **3.3. Xây dựng nội dung KTQT cho DNNVV ở Việt Nam**

Nội dung KTQT áp dụng cho DNNVV được chúng tôi xây dựng theo 3 mô hình theo thứ tự từ thấp đến cao và đặt trong mối quan hệ chuyển tiếp theo khả năng phát triển và yêu cầu quản lý của DN.

#### **- Mô hình 1**

Mô hình này chỉ tập trung vào hệ thống chi phí sản xuất để phục vụ cho quản trị chi phí và chỉ gắn với mô hình chi phí thực tế. Mô hình này chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ.

#### **- Mô hình 2**

Mô hình này chỉ tập trung xây dựng hệ thống chi phí cùng với hệ thống dự toán có giới hạn dự toán tiêu thụ, dự toán sản xuất, dự toán hàng tồn kho. Mô hình này phù hợp với các doanh nghiệp nhỏ.

#### **- Mô hình 3**

Mô hình này tập trung vào xây dựng hệ thống chi phí, hệ thống dự toán và áp dụng có chọn lọc kế toán trách nhiệm cũng như thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn và dài hạn. Mô hình này phù hợp với các doanh nghiệp

có quy mô vừa, một khi các doanh nghiệp phát triển thành doanh nghiệp lớn thì áp dụng đầy đủ các nội dung của KTQT.

Mô hình 1 có thể chuyển tiếp thành mô hình 2 và mô hình 2 có thể chuyển tiếp thành mô hình 3 tùy theo yêu cầu quản lý và phát triển doanh nghiệp trong từng khả năng nhất định.

### **3.3.1 Xây dựng hệ thống kế toán chi phí để phục vụ cho yêu cầu quản trị chi phí**

*(1) Phân loại chi phí: chủ yếu là theo mối quan hệ với quy mô hoạt động*

*(2) Tính giá thành theo phương pháp xác định chi phí trực tiếp.*

*(3) Tổ chức ghi nhận thông tin chi phí để tính giá thành sản phẩm*

- Đối với doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 48 thì việc tổ chức theo dõi chi phí cần được thực hiện chi tiết trên tài khoản 154 theo các khoản mục chi phí: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Sau đó tiến hành tổng hợp để tính giá thành sản phẩm.

Cách hạch toán như trên áp dụng phù hợp cho **doanh nghiệp siêu nhỏ**.

- Đối với doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15 thì việc tổ chức theo dõi chi phí được thực hiện thông qua các tài khoản 621, 622, 627 sau đó kết chuyển sang tài khoản 154 để tính giá thành.

Cách hạch toán này áp dụng phù hợp cho **doanh nghiệp nhỏ**.

- Đối với **doanh nghiệp có quy mô vừa** ngoài việc tính giá thành sản phẩm theo mô hình chi phí thực tế như đã nói trên còn có thể sử dụng mô hình kết hợp giữa thực tế và dự toán.

### **3.3.2 Xây dựng hệ thống dự toán để phục vụ cho yêu cầu hoạch định**

*(1) Mô hình dự toán*

Khi lựa chọn mô hình dự toán phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh; qui trình công nghệ sản xuất sản phẩm; đặc điểm tổ chức quản lý và trình độ phân cấp trong quản lý,... Có ba mô hình dự toán phổ biến để lựa chọn như sau:

**Đối với mô hình 1** (DN siêu nhỏ) không lập dự toán.

**Đối với mô hình 2** (DN nhỏ) áp dụng mô hình dự toán ấn định thông tin từ trên xuống.

**Đối với mô hình 3** (DN vừa) có thể áp dụng một trong 3 mô hình dự toán: mô hình ấn định thông tin từ trên xuống, mô hình thông tin phản hồi, mô hình thông tin từ dưới lên.

*(2) Hệ thống báo cáo dự toán*

Các DNNVV tùy theo quy mô hoạt động mà thiết kế tương ứng, các dự toán được thiết kế tùy theo mô hình 2 hoặc 3:

**Mô hình 2**, sử dụng các dự toán sau:

Dự toán doanh thu; Dự toán sản xuất; Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp; Dự toán nhân công trực tiếp; Dự toán chi phí sản xuất chung; Dự toán chi phí bán hàng; Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp;

**Mô hình 3**, ngoài các dự toán như mô hình 2 ở trên còn có thêm các dự toán: Dự toán thu tiền; Dự toán chi tiền; Dự toán thu – chi tiền (Lưu chuyển tiền tệ); Dự toán lợi nhuận; Dự toán Bảng cân đối kế toán;

*(3) Quản trị quá trình dự toán*

*(4) Xây dựng quy trình dự toán trong DNNVV*

- Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự toán ngân sách
- Giai đoạn 2: Soạn thảo ngân sách
- Giai đoạn 3: Theo dõi dự toán ngân sách

### **3.3.3 Xây dựng kế toán trung tâm trách nhiệm để phục vụ cho yêu cầu kiểm soát và đánh giá thành quả thực hiện**

Trong 3 mô hình kế toán trách nhiệm là: Mô hình kế toán trách nhiệm dựa trên chức năng, mô hình kế toán trách nhiệm theo quy trình và mô hình kế toán trách nhiệm theo chiến lược thì đối với các DNNVV mô hình kế toán trách nhiệm phù hợp nhất là mô hình kế toán trách nhiệm dựa trên chức năng vì các lý do sau đây:

- Kế toán trách nhiệm dựa trên chức năng phân chia theo các bộ phận trong doanh nghiệp. Đối với các DNNVV với quy mô nhỏ và tổ chức đơn giản thì việc phân chia này khá thuận lợi và dễ dàng.
- Việc quản lý chủ yếu dựa trên ngân sách với các chỉ tiêu thống kê tài chính là chủ yếu. Phù hợp với các DNNVV vì vấn đề quan tâm nhất của nhà quản lý trong các DNNVV là chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh.
- Việc xây dựng mô hình kế toán trách nhiệm theo đơn vị chức năng cũng khá đơn giản và ít tốn kém do đó phù hợp với các DNNVV.

### **3.3.4 Xây dựng và thiết kế thông tin thích ứng phục vụ cho yêu cầu ra quyết định ngắn hạn và dài hạn**

*(1) Nhận diện thông tin thích hợp*

*(2) Tổ chức thu thập thông tin phục vụ cho việc ra quyết định*

## **3.4 Tổ chức KTQT cho DNNVV ở Việt Nam**

### **3.4.1 Tổ chức hệ thống thông tin đầu vào**

*(1) Tổ chức thu nhận thông tin quá khứ*

KTQT cần cụ thể hóa các chứng từ hướng dẫn chọn lọc, bổ sung, sửa đổi các chỉ tiêu trên chứng từ, thiết kế thêm các chứng từ cần thiết để cho phù hợp với nội dung KTQT. Sau đó, thông qua phương pháp tài khoản được thiết kế tích hợp với KTTC nhằm xử lý các thông tin phục vụ cho các nhu cầu quản trị trong doanh nghiệp.

*(2) Tổ chức thu nhận thông tin dự đoán tương lai*

Để tổ chức thu thập các thông tin tương lai, KTQT phải thực hiện theo trình tự: xác định mục tiêu để thu thập thông tin tiếp theo là lựa chọn nguồn thông tin, trong giai đoạn này phải xác định nguồn thông tin thu thập theo các dữ liệu sơ cấp, hay thứ cấp hoặc cả hai để có các phương pháp thu thập phù hợp.

Ngoài ra khi thu thập thông tin tương lai còn dùng các phương pháp dự báo để thu thập thông tin tốt nhất.

### **3.4.2 Tổ chức phân loại và xử lý thông tin qua hệ thống tài khoản kế toán (gắn kết với kế toán tài chính)**

Khi xây dựng hệ thống tài khoản để xử lý thông tin trong KTQT thì việc tổ chức ghi nhận xử lý phải đặt trọng tâm vào các tài khoản phản ánh chi phí và doanh thu.

Hiện nay các DNNVV ở Việt Nam áp dụng một trong hai chế độ kế toán theo quyết định 15 hoặc theo quyết định 48.

- Các DN áp dụng theo quyết định 15: Theo hệ thống tài khoản quy định các khoản mục chi phí khá cụ thể. Tuy nhiên khi ứng dụng KTQT cần phân tích các khoản mục trên thành định phí, biến phí gắn liền nơi phát sinh, đối tượng chịu chi phí, đối tượng tính giá thành.

- Các DN áp dụng theo quyết định 48: Việc tập hợp chi phí tập hợp ở tài khoản 154 chưa phân loại thành các khoản mục cụ thể do đó để thực hiện KTQT cần phân tích tài khoản 154 thành nhiều tài khoản con, thành nhiều khoản mục chi phí như quyết định 15.

Ngoài ra theo chúng tôi tổ chức tài khoản thực hiện theo KTQT cần phân lớp để thực hiện chi phí, doanh thu như sau:

#### **- Phân lớp 1: Mã công ty, chi nhánh**

Phân lớp này gồm 04 ký tự: 02 ký tự đầu là mã vùng: tỉnh, thành phố; 02 ký tự cuối là số thứ tự công ty, chi nhánh.

#### **- Phân lớp 2: Mã bộ phận**

Mô tả các bộ phận trong một doanh nghiệp, thông thường một doanh nghiệp được chia thành 03 mảng chính: Bộ phận phục vụ, bộ phận kinh doanh và bộ phận sản xuất.

#### **- Phân lớp 3: Mã tài khoản theo hệ thống tài khoản quy định theo chế độ kế toán Việt nam**

Mô tả các tài khoản, tiểu khoản theo chế độ kế toán Việt nam.

Phân lớp này bao gồm 7 ký tự, ba ký tự đầu là mã tài khoản cấp 1 theo chế độ kế toán, 2 ký tự tiếp theo là mã tiểu khoản cấp 2, 3 theo chế độ kế toán,

2 ký tự cuối cùng là mã tiểu khoản do doanh nghiệp tự xây dựng theo nhu cầu quản lý.

#### **- Phân lớp 4: Loại hình kinh doanh**

Mô tả các loại hình kinh doanh của doanh nghiệp từ thương mại, dịch vụ, sản xuất .... Thực chất là việc phân chia doanh thu, chi phí theo từng loại hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Phân lớp này bao gồm 2 ký tự.

#### **- Phân lớp 5: Dự phòng**

Dùng dự phòng trong trường hợp có phát sinh nhu cầu quản lý theo dự án hoặc theo các yêu cầu quản lý khác như phân loại chi phí thành biến phí định phí, chi phí hỗn hợp. Phân lớp này bao gồm 2 ký tự.

### **3.4.3 Tổ chức thiết lập và cung cấp thông tin qua hệ thống báo cáo KTQT**

*Xây dựng quy trình tổ chức báo cáo KTQT trong DN*

- Giai đoạn 1: Thiết lập hệ thống báo cáo kế toán quản trị

Bước 1: Xác định yêu cầu của lãnh đạo doanh nghiệp

Bước 2: Xây dựng danh mục báo cáo

Bước 3: Xây dựng mẫu biểu báo cáo;

- Giai đoạn 2: Triển khai thực hiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị

- Giai đoạn 3: Hoàn thiện hệ thống báo cáo KTQT trong DN.

### **3.4.4 Tổ chức nhân sự thực hiện KTQT gắn kết với KTTC**

Áp dụng hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung với mô hình kết hợp giữa KTTC và KTQT là phù hợp. Mô hình này được áp dụng thuận lợi khi các DNNVV đã tổ chức hệ thống tài khoản gắn kết giữa KTTC với KTQT. Quy trình tổ chức:

- Xác định khối lượng công việc kế toán

- Xác định các bộ phận kế toán của bộ máy kế toán DN

- Bố trí nhân sự kế toán trong từng bộ phận kế toán

- Tổ chức phân công phân nhiệm trong từng bộ phận kế toán

### **3.4.5 Tổ chức vận dụng tin học vào KTQT**

#### **(1) Đối với các DN nhỏ (tương ứng mô hình 1):**

Các DN nhỏ căn cứ vào khối lượng thông tin xử lý của hệ thống kế toán không nhiều, trình độ lao động kế toán còn nhiều hạn chế, thường sử dụng các phần mềm trong MS Office như bảng tính Excel, cơ sở dữ liệu Access để thực hiện công việc của kế toán quản trị và lập báo cáo là một giải pháp tiết kiệm và hiệu quả.

#### **(2) Đối với các DN vừa (tương ứng mô hình 2):**

Với các doanh nghiệp qui mô lớn hơn, hệ thống kế toán quản trị trên cơ sở ứng dụng Excel và Access không còn phù hợp nữa. Hệ thống trở nên nặng nề do khối lượng thông tin nhiều, đồng thời không cho phép nhiều nhân viên cùng lúc truy cập vào cơ sở dữ liệu của hệ thống.

Trong tình hình đó, các doanh nghiệp có thể tự xây dựng phần mềm kế toán.

#### **(3) Đối với các DNNVV phát triển thành các DN lớn ( mô hình 3)**

DNNVV có thể phát triển thành các DN lớn, khi đó khối lượng thông tin kế toán quản trị cần xử lý rất lớn. Các DN thường chọn giải pháp mua phần mềm kế toán quản trị chuyên nghiệp hoặc hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP). Tuy nhiên giải pháp hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp tương đối đắt, đòi hỏi nhân viên sử dụng phải được đào tạo chuyên nghiệp.

### **3.5 Một số kiến nghị có liên quan**

#### **3.5.1 Kiến nghị với nơi tổ chức thực hiện KTQT (DNNVV)**

Một là, Cần nâng cao nhận thức và trình độ của các nhà quản trị trong các DNNVV về KTQT. Đây là điều kiện đầu tiên để vận dụng nội dung và tổ chức thực hiện KTQT tại các DNNVV.

Hai là, Cần nâng cao trình độ cho người làm kế toán để từ đó chủ động trong việc tổ chức thực hiện kế toán theo mục tiêu kế toán tài chính và

kế toán quản trị, đảm bảo tuân thủ chuẩn mực kế toán và đáp ứng được nhu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng có liên quan.

Ba là, các DNNVV cần gắn kết với các nơi đào tạo và nghiên cứu kế toán để thường xuyên cập nhật kiến thức, quy định về kế toán và thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng theo đặc điểm, yêu cầu và mục tiêu quản lý của đơn vị. Có thể sử dụng các dịch vụ của các tổ chức tư vấn.

### **3.5.2 Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan hỗ trợ DNNVV**

#### **(1) Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước**

- Hướng dẫn và khuyến khích thực hiện công tác kế toán quản trị trong các DN nói chung và các DNNVV nói riêng.
- Xác lập chuẩn mực kế toán áp dụng cho DNNVV.
- Sửa đổi chế độ kế toán thống nhất.

#### **(2) Đối với cơ quan hỗ trợ DNNVV**

Thông qua các hiệp hội kinh doanh từng ngành nghề cụ thể để hỗ trợ các DNNVV tiếp cận thông tin thị trường nước ngoài, tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kiến thức và nhận thức về vai trò của KTQT

Các cơ quan hỗ trợ các DNNVV đẩy mạnh tin học hóa trong công tác kế toán bằng cách tài trợ các thiết bị, các phần mềm kế toán và kế toán quản trị, hỗ trợ đào tạo kiến thức và kỹ năng thực hành...

### **3.5.3 Kiến nghị đối với nơi đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực**

Cần có sự cải tiến mục tiêu, chương trình và phương pháp đào tạo chuyên ngành kế toán ở các trường Đại Học, Cao đẳng và trung học chuyên nghiệp đào tạo kế toán quản trị như một ngành chuyên sâu có tính ứng dụng trong thực tế. Các tổ chức đào tạo cần đào tạo kế toán quản trị thành các chuyên đề ứng dụng chuyên sâu cho các DNNVV.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Trong chương này chúng tôi đã đưa ra các quan điểm xây dựng nội dung và tổ chức KTQT phù hợp với môi trường pháp lý kinh doanh của



Việt Nam, phù hợp với đặc điểm quy mô và trình độ quản lý của các DNNVV, phù hợp với khả năng phát triển và yêu cầu hội nhập trên cơ sở kế thừa có chọn lọc nội dung và kinh nghiệm KTQT của các nước trên thế giới.

Đồng thời chương 3 cũng đưa ra các nguyên tắc định hướng để tổ chức KTQT trong DNNVV một cách có hiệu quả. Các nguyên tắc chủ yếu như: tích hợp KTTC với KTQT trong cùng một hệ thống, nguyên tắc linh hoạt xử lý thông tin và thiết lập báo cáo từ cấp độ thấp đến cao từ đơn giản đến phức tạp, nguyên tắc thích ứng với yêu cầu tin học hóa của công tác kế toán.

Trên cơ sở quan điểm và các nguyên tắc trên luận án xây dựng các nội dung KTQT phù hợp cho các DNNVV ở Việt Nam. Đồng thời nêu cách thức tổ chức công tác KTQT trong các DNNVV một cách phù hợp và hiệu quả.

Luận án cũng đề xuất các kiến nghị nhằm thực hiện nội dung và tổ chức KTQT cho các DNNVV ở Việt Nam. Các kiến nghị này làm điều kiện để thực hiện và nêu rõ từ các tổ chức có liên quan như: cơ quan chức năng nhà nước, cơ quan hỗ trợ DNNVV, các DNNVV nơi tổ chức thực hiện và các tổ chức đào tạo nhằm hỗ trợ, giúp đỡ các DNNVV vận dụng thành công và hiệu quả.

### **KẾT LUẬN**

Trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, hệ thống DNNVV phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng, đã khẳng định vị trí của mình và có vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Nâng cao năng lực quản trị DN thông qua việc sử dụng các công cụ kế toán là vấn đề cần thiết khách quan. KTQT là một bộ phận của kế toán thực hiện chức năng cung cấp thông tin phục vụ cho các nhà quản trị ra các quyết định điều hành DN.

Xuất phát từ ý nghĩa đó, luận án “ Xây dựng nội dung và tổ chức kế toán quản trị cho DNNVV ở Việt Nam” đã nghiên cứu xây dựng nội dung, tổ chức KTQT cho các DNNVV ở Việt Nam phù hợp và hiệu quả nhằm cung cấp thông tin cho các nhà quản trị trong việc thực hiện các chức năng quản lý DN. Nội dung KTQT được xây dựng bao gồm:

- + Hệ thống kế toán chi phí phục vụ cho yêu cầu quản trị chi phí
- + Hệ thống dự toán phục vụ cho yêu cầu hoạch định
- + Hệ thống kế toán trung tâm trách nhiệm phục vụ cho yêu cầu kiểm soát và đánh giá thành quả thực hiện
- + Hệ thống thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra các quyết định trong ngắn hạn và dài hạn

Luận án còn trình bày việc tổ chức KTQT trong DNNVV bao gồm:

- + Tổ chức hệ thống thu nhận thông tin đầu vào gắn liền với KTTC
- + Tổ chức phân loại và xử lý thông tin qua hệ thống tài khoản gắn kết với KTTC
- + Tổ chức thiết lập và cung cấp thông tin qua hệ thống báo cáo

KTQT

- + Tổ chức nhân sự thực hiện KTQT gắn kết với KTTC
- + Tổ chức vận dụng tin học vào KTQT

- Để thực hiện được các nội dung trên, luận án đã đề xuất những kiến nghị cơ bản thuộc về phía cơ quan quản lý nhà nước về kế toán, cơ quan hỗ trợ DNNVV, thuộc về phía DNNVV và phía các tổ chức đào tạo. Những kiến nghị này nhằm tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho DNNVV tổ chức thực hiện tốt công tác KTQT phục vụ thiết thực cho yêu cầu quản lý góp phần đóng góp to lớn của DNNVV trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước./.

-----

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ  
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Phạm Ngọc Toàn (2006), *Accountability Scorecard as an Instrument for Estimating Relations Between Companies and Related Interest Groups*, Economic Development Review 138, pp 18.
2. Phạm Ngọc Toàn (2007), *Vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong việc xây dựng hệ thống đánh giá thành quả thực hiện trong các công ty cổ phần*, Tạp chí Phát triển kinh tế số 198, trang 29:30.
3. Phạm Ngọc Toàn (2010), *Vận dụng hiệu quả các mô hình đánh giá kết quả hoạt động trong các doanh nghiệp Việt Nam*, Tạp chí kế toán số 84, trang 32:34.